

NGHIÊN CỨU VỀ ĐỘNG CƠ HỌC NGOẠI NGỮ CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

HOÀNG KIM THÚY*

Ngày nhận bài: 09/05/2017; ngày sửa chữa: 10/05/2017; ngày duyệt đăng: 12/05/2017.

Abstract: Motivation - the important factor to learn a foreign language- determines the learning outcome and affects personality development. Therefore, studying motivation of learning of students majoring in English at Hong Duc University is required to lay a foundation for finding out solutions to improve quality of education and training at universities and meet graduation requirements.

Keywords: Motivation, English-major student, graduation requirement.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, tiếng Anh được coi là ngôn ngữ quốc tế số một trên thế giới. Hàng triệu người từ các nền văn hóa khác nhau đều nỗ lực học tiếng Anh mỗi ngày. Ở Việt Nam, tiếng Anh cũng đã chiếm được vị trí quan trọng kể từ khi đất nước bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa hội nhập ra khu vực và thế giới. Những lĩnh vực như kinh tế, chính trị, khoa học, du lịch,... đều rất cần những người có trình độ tiếng Anh giỏi. Bởi thế, nhu cầu dạy và học ngoại ngữ ngày càng gia tăng trên khắp cả nước. Người ta học và sử dụng tiếng Anh với nhiều mục đích khác nhau để đáp ứng nhu cầu giao tiếp ngày càng lớn trong xã hội, để kiếm được công việc tốt hay để giành được cơ hội đi du học và làm việc ở nước ngoài.

Thực tế, có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của việc học ngoại ngữ (sự thông minh, năng khiếu, tính cách, động cơ (ĐC) hay sở thích của người học,...) và trong số đó thì ĐC của người học đã từ lâu được tin rằng có ảnh hưởng lớn tới sự thành công hay thất bại của họ trong quá trình học. Đã có rất nhiều nghiên cứu về vai trò của thái độ và ĐC trong việc học ngôn ngữ thứ hai và hầu hết những nghiên cứu này cho thấy thái độ và ĐC học tích cực có liên quan đến thành công trong học ngôn ngữ thứ hai. Brown (1994) cho rằng người học sẽ thành công nếu có ĐC học phù hợp. Dornyei (1994) cũng khẳng định ĐC là một trong những yếu tố quyết định trong học ngoại ngữ. Bởi thế, nếu không có ĐC học tập tích cực người học sẽ hầu như không có bất cứ nỗ lực nào để hoàn thành các nhiệm vụ do quá trình học ngoại ngữ đặt ra.

Bài viết này chúng tôi tiến hành khảo sát các loại ĐC học ngoại ngữ của sinh viên chuyên ngữ Trường Đại học Hồng Đức dựa trên cơ sở lí thuyết về ĐC học

ngoại ngữ, đồng thời đưa ra những gợi ý hữu ích trong công tác giảng dạy ngoại ngữ nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra cho sinh viên chuyên ngữ của Trường.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan lí thuyết về ĐC trong học ngoại ngữ

2.1.1. Khái niệm về “ĐC học tập” (Motivation) thực sự rất khó để định nghĩa và dường như các nhà lí thuyết học đã không thể thống nhất để đưa ra một định nghĩa chung cho khái niệm này. Theo Gardner (1985), ĐC học tập bao gồm bốn khía cạnh: mục tiêu, sự nỗ lực, sự mong muốn đạt được mục tiêu đó và thái độ tích cực đối với hoạt động học tập đang được nói đến. Ames & Ames (1989) định nghĩa ĐC học tập là sự thúc đẩy để tạo ra và duy trì những ý định và các hành động tìm kiếm mục tiêu trong học tập. Như vậy, ĐC học tập rất quan trọng vì nó quyết định mức độ tham gia và thái độ tích cực của sinh viên đối với việc học. Nhiều nhà nghiên cứu đã xem ĐC là một trong những yếu tố chính quyết định sự thành công trong sự phát triển ngôn ngữ thứ hai/ngoại ngữ. Oxford và Shearin (1994) cho rằng ĐC quyết định mức độ tích cực tham gia của cá nhân vào việc học ngôn ngữ thứ hai. McDonough (1981) cũng tin tưởng rằng ĐC học tập quan trọng trong việc ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của người học ngoại ngữ. Ngoài ra, ĐC là nhu cầu về sự hoàn thành và thành công, sự tò mò, sự mong muốn được khuyến khích và có những trải nghiệm mới. Vì thế, nếu người học được tạo ĐC để học ngôn ngữ thì người học chắc chắn sẽ thành công. Gass và Selinker (1994) cũng có quan điểm tương tự rằng nếu người học có ĐC thì họ sẽ học nhanh hơn và ở mức độ lớn hơn. Như vậy, dựa vào các định nghĩa

* Trường Đại học Hồng Đức

trên, ĐC học tập có thể được định nghĩa một cách vắn tắt như sau: *ĐC học tập bao gồm mục tiêu, sự cố gắng, nghị lực, sự tham gia tích cực và sự kiên trì của người học.*

2.1.2. Các loại ĐC khác nhau trong học ngôn ngữ:

- *ĐC thâm nhập và ĐC thực dụng (Integrative and instrumental motivation).* Gardner và Lambert (1972) đã phân loại ĐC thành ĐC thâm nhập (Integrative motivation) và ĐC thực dụng (Instrumental motivation). Họ định nghĩa ĐC thâm nhập như sau: định hướng thâm nhập (Integrative orientation) là sự thích thú trong học ngôn ngữ thứ hai do sự quan tâm chân thành của cá nhân đối với con người và văn hóa thuộc nhóm ngôn ngữ khác. ĐC này xuất hiện khi người học có mong muốn được gắn bó và thâm nhập vào nền văn hóa của ngôn ngữ đích. Norris-Holt (2001) cũng cho rằng ĐC thâm nhập thể hiện ở thái độ tích cực của người học đối với nhóm ngôn ngữ đích và mong muốn thâm nhập vào cộng đồng ngôn ngữ đó. Theo ý kiến của Finnegan (1999), loại ĐC này là nền tảng khiến cho việc thu thập thành công một phạm vi rộng lớn về từ vựng và cách phát âm giống người bản địa.

Đối lập với ĐC thâm nhập là ĐC thực dụng. ĐC này thể hiện ở sự mong muốn phải đạt được cái gì đó thực tế hay cụ thể từ quá trình học ngôn ngữ thứ hai (Hudson, 2000). Với ĐC thực dụng, mục đích của việc tiếp nhận ngôn ngữ trở nên thiết thực hơn, chẳng hạn như để đáp ứng những yêu cầu của trường học hay để tốt nghiệp đại học, xin việc làm, yêu cầu được trả lương cao hơn dựa vào năng lực ngôn ngữ, đọc tài liệu kĩ thuật hoặc đạt được vị thế xã hội cao hơn.

Tóm lại, ĐC thâm nhập (Integrative motivation) và ĐC thực dụng (Instrumental motivation) đều là những nhân tố cơ bản tạo nên sự thành công trong quá trình học ngoại ngữ. Trong đó, ĐC thâm nhập được cho rằng có thể duy trì sự thành công lâu dài của người học. ĐC thực dụng được chứng minh có thể khiến người học thành công khi người học không có cơ hội được sử dụng ngôn ngữ đích và chính vì thế người học sẽ không có dịp để giao tiếp với những thành viên thuộc nhóm ngôn ngữ đích.

- *ĐC nội tại và ĐC bên ngoài (Intrinsic and Extrinsic motivation).* ĐC nội tại và ĐC bên ngoài đã được nghiên cứu một cách rộng rãi và chính sự phân loại thành hai loại ĐC này đã đóng góp những hiểu biết quan trọng ở cả hai lĩnh vực thực hành giáo dục và thực hành phát triển.

Theo *Thuyết tự chủ* của Deci và Ryan (1985), ĐC học tập được phân loại dựa trên những lí do hay mục

đích hoạt động khác nhau và họ đã phân loại ĐC học thành hai loại cơ bản nhất, đó là ĐC nội tại (Intrinsic motivation) và ĐC bên ngoài (Extrinsic motivation). Theo họ thì ĐC nội tại là ĐC thúc đẩy người học thực hiện các hoạt động xuất phát từ sự yêu thích thực sự và hài lòng về hoạt động đó; ĐC bên ngoài là ĐC thúc đẩy người học tiến hành các hoạt động mà những hoạt động đó sẽ mang lại kết quả cụ thể cho người học, chẳng hạn được điểm giỏi, được người khác khen ngợi...

Harmer (1994) cũng chia ĐC học thành hai loại như trên. Theo ông, ĐC nội tại liên quan đến các nhân tố bên trong lớp học; ĐC bên ngoài bao gồm các nhân tố ảnh hưởng bên ngoài lớp học, chẳng hạn nhu cầu vượt qua kì thi, hi vọng được nhận phần thưởng về tài chính, hay khả năng được đi du lịch trong tương lai. Ngoài ra, ĐC nội tại là những đặc điểm bên trong mà người học mang đến môi trường học, đó là thái độ, niềm tin, nhu cầu và các yếu tố cá nhân. Ngược lại, ĐC bên ngoài xuất phát bên ngoài cá nhân người học và liên quan đến các nhân tố môi trường bên ngoài giúp hình thành nên hành vi của người học.

Tóm lại, ĐC nội tại và ĐC bên ngoài không loại trừ lẫn nhau, mà chúng tương hỗ lẫn nhau. Trong thực tế, hầu hết người học có ĐC học tiếng Anh là xuất phát từ những lí do cả bên ngoài lẫn bên trong.

Bảng 1. ĐC thực dụng

ĐC thực dụng	Điểm trung bình	Mức độ
1. Tôi tập trung chủ yếu vào việc sử dụng tiếng Anh cho lớp học, làm bài tập và bài kiểm tra	4,86	Cao
2. Tôi chỉ đơn giản trích dẫn sách giáo khoa và không thực sự sử dụng tiếng Anh để truyền đạt bản thân mình khi nói hoặc viết trên lớp	3,23	Trung bình
3. Tôi chỉ quan tâm việc học tiếng Anh trên lớp như sách giáo khoa, nhưng không quan tâm đến báo và tạp chí tiếng Anh	4,10	Cao
4. Tôi chỉ quan tâm đến tiếng Anh như là một công cụ để kiếm việc và nhận mức lương cao hơn là quan tâm đến vẻ đẹp của chính nó	4,23	Cao
5. Tôi học tiếng Anh vì bằng cấp hơn là yêu thích nó	3,96	Cao
6. Học tiếng Anh rất quan trọng khi đi du lịch nước ngoài	4,17	Cao
7. Học tiếng Anh là rất quan trọng để tôi trở thành người có học thức và có kĩ năng	3,93	Cao
8. Học tiếng Anh giúp tôi trở thành người có học thức rộng	3,03	Trung bình
9. Thông thạo tiếng Anh giúp tôi thành công và đạt được nhiều thành tựu hơn trong cuộc sống	3,93	Cao
10. Việc thông thạo tiếng Anh khiến người khác ngưỡng mộ tôi hơn	3,80	Cao
Tổng	3,92	Cao

2.2. Kết quả nghiên cứu

Để tìm hiểu sinh viên chuyên ngữ Trường Đại học Hồng Đức thiên về loại ĐC nào (ĐC thâm nhập hay ĐC thực dụng), năm học 2016-2017, chúng tôi đã sử dụng bảng khảo sát bao gồm 20 câu hỏi với lớp đại học sư phạm tiếng Anh K19, trong đó có 10 câu hỏi về ĐC thâm nhập (Integrative motivation) và 10 câu hỏi về ĐC thực dụng (Instrumental motivation). Bảng khảo sát được thiết kế dựa theo thang Linkert 5 mức độ từ “rất đồng ý” đến “rất không đồng ý” và thu được kết quả như sau:

2.2.1. ĐC thực dụng (Instrumental motivation)

Bảng 1 (xem trang trước) cho thấy những người tham gia trả lời có ĐC thực dụng cao. Điều này được thể hiện rõ ràng bằng tổng điểm trung bình là 3,92 trong bảng. Câu hỏi 1 (Tôi tập trung chủ yếu vào việc sử dụng tiếng Anh cho lớp học, làm bài tập và bài kiểm tra) có điểm trung bình cao nhất (4,86). Điểm số trung bình thấp nhất là 3,03 ở câu hỏi số 8 (Học tiếng Anh giúp tôi trở thành người có học thức rộng). Tuy nhiên, điểm trung bình tổng thể của ĐC thực dụng là cao.

2.2.2. ĐC thâm nhập (Integrative motivation)

Bảng 2. ĐC thâm nhập

ĐC thâm nhập	Điểm trung bình	Mức độ
11. Học tiếng Anh giúp tôi hiểu được sách báo, phim truyền,... bằng tiếng Anh	2,83	Trung bình
12. Học tiếng Anh giúp tôi hiểu hơn về con người cũng như cuộc sống của người bản địa	2,66	Trung bình
13. Học tiếng Anh giúp tôi giao tiếp với người bản địa	2,36	Trung bình
14. Học tiếng Anh giúp tôi thảo luận những vấn đề thú vị với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau	2,26	Thấp
15. Học tiếng Anh giúp tôi có thể trao đổi kiến thức với mọi người	2,90	Trung bình
16. Học tiếng Anh giúp tôi có thể có cách cư xử như người bản địa	3,53	Trung bình
17. Học tiếng Anh giúp tôi có thể học hỏi thêm về văn hóa cũng như văn học nước Anh	3,0	Trung bình
18. Học tiếng Anh giúp tôi mở rộng tầm nhìn, hòa đồng	3,33	Trung bình
19. Học tiếng Anh giúp tôi tham gia tự do trong các hoạt động học thuật, xã hội, và chuyên môn trong các nhóm văn hoá khác	3,63	Trung bình
20. Tôi quyết tâm học tiếng Anh tốt nhất và có thể đạt được sự thành thạo tối đa	3,06	Trung bình
Tổng	2,96	Trung bình

Kết quả của *bảng 2* cho thấy ĐC thâm nhập của những người tham gia trả lời ở mức độ trung bình, với điểm trung bình là 2,96. Trong đó câu hỏi 19 (Học tiếng Anh giúp tôi tham gia tự do trong các hoạt

động học thuật, xã hội, và chuyên môn trong các nhóm văn hoá khác) có điểm trung bình cao nhất là 3,63. Tuy nhiên, ở câu hỏi 14 (Học tiếng Anh giúp tôi thảo luận những vấn đề thú vị với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau) và câu hỏi số 13 (Học tiếng Anh giúp tôi giao tiếp với người bản địa) đều có điểm trung bình thấp nhất tương ứng là 2,26 và 2,36.

2.2.3. So sánh giữa ĐC thực dụng và ĐC thâm nhập

Bảng 3. So sánh ĐC thực dụng và ĐC thâm nhập

Loại ĐC	Điểm trung bình	Mức độ
ĐC thực dụng	3,92	Cao
ĐC thâm nhập	2,96	Trung bình
Trung bình chung	3,44	Trung bình

Bảng 3 cho thấy điểm trung bình của ĐC thực dụng (3,92) cao hơn điểm trung bình của ĐC thâm nhập (2,96). Tuy nhiên, điểm trung bình tổng thể của cả hai loại ĐC là 3,44 được coi là mức độ vừa phải.

3. Kết luận và đề xuất

Kết quả tổng thể cho thấy, sinh viên chuyên ngữ Trường Đại học Hồng Đức có ĐC học tiếng Anh ở mức độ trung bình. Dựa trên sự so sánh và đánh giá, chúng tôi thấy rằng sinh viên chuyên ngữ thiên về ĐC thực dụng hơn là ĐC thâm nhập.

Chúng ta không thể phủ nhận vai trò quyết định của ĐC học và vai trò quan trọng của các chiến lược học trong sự thành công của người học. Các nghiên cứu đều chứng minh ĐC học tiếng Anh là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến việc sử dụng các chiến lược học tiếng Anh. Thực tế trong môi trường học tiếng Anh của sinh viên chuyên ngữ thì sinh viên học tiếng Anh chủ yếu xuất phát từ *ĐC thực dụng* (Instrumental motivation) là để vượt qua kì thi, được người khác khen ngợi, hi vọng được nhận phần thưởng về tài chính hay khả năng được đi du lịch trong tương lai... Sinh viên có *ĐC thâm nhập* (Integrative motivation) là rất thấp. Chính vì thế, giảng viên nên tìm ra các hoạt động tiếng Anh hoặc các phương pháp giảng dạy phù hợp có thể thu hút được sự quan tâm, thích thú của sinh viên để có thể làm tăng ĐC thâm nhập của sinh viên khi học tiếng Anh. Bởi vì, ĐC thâm nhập duy trì thành công lâu dài của người học tiếng Anh và giúp nâng cao quá trình học tập cho người học. Ngoài ra, giảng viên nên hướng dẫn kĩ cho sinh viên lí do tại sao phải sử dụng và sử dụng như thế nào các chiến lược học hữu hiệu và phù hợp với mỗi tình huống. Như vậy, việc giới thiệu

(Xem tiếp trang 219)

học phần, học kì, năm học. Để tạo điều kiện cho HV vạch kế hoạch học tập một cách thuận lợi và khoa học, vào đầu mỗi học phần, GV cần cung cấp cho HV đề cương chi tiết môn học, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo, số lượng bài kiểm tra, hình thức thảo luận trên lớp, hình thức thi kết thúc môn học, hướng dẫn HV những nội dung tự học ở nhà... từ đó, HV lập kế hoạch học tập phù hợp với từng môn học, thời gian và đặc điểm tâm lí của bản thân. Kế hoạch học tập của HV phải thực tế và linh hoạt, không thể lập một kế hoạch mà trong đó mỗi công việc đều quy định thời gian cụ thể vì như vậy HV có thể gặp những tình huống bất ngờ và kế hoạch bị phá vỡ. Do đó, kế hoạch học tập của HV không cần phải cứng nhắc mà là một kim chỉ nam, một phương hướng để HV hành động. Đặc biệt, trong đào tạo theo học chế tín chỉ, HV có nhiều thời gian để tự học nên phải có kế hoạch sử dụng quỹ thời gian hợp lí, có như vậy, HV mới làm chủ được quỹ thời gian, không bị động trước nhiều nguồn tư liệu cần phải đọc và các công việc phải hoàn thành theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV. Ngoài ra, để thực hiện tốt kế hoạch học tập, HV phải có đủ phương tiện để học tập như: giáo trình, tài liệu tham khảo, cùng các phương tiện hỗ trợ khác... Tuy nhiên, việc tự học của HV chỉ có kết quả khi có sự kiểm tra, đánh giá của GV một cách thường xuyên hoặc HV phải tự đánh giá vì thông qua kiểm tra, đánh giá giúp HV biết rõ ưu, nhược điểm của mình để có sự điều chỉnh hợp lí nhằm nâng cao hiệu quả học tập.

Khoa học LLCT là hệ thống mở không chỉ nhằm giải thích thế giới mà còn nhằm cải tạo thế giới. Vì vậy, học tập LLCT không thể đơn thuần chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận tri thức ấy mà còn phải biết vận dụng chúng vào phân tích và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong học tập và cuộc sống. Như vậy, phát huy vai trò chủ thể nhận thức trong học tập các môn LLCT của HV các trường công an nhân dân là yêu cầu cần thiết để nâng cao chất lượng học tập các môn học này, giúp cho HV có phương pháp luận khoa học trong học tập các môn học khác. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Hồ Chí Minh (2007). *Về công tác giáo dục Lí luận chính trị*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Ban Tuyên giáo Trung ương (2008). *Phương pháp giảng dạy Lí luận chính trị*. NXB Lao động - Xã hội.

[4] Tổng cục Chính trị Công an nhân dân (2015). *Kiểm yếu hội thảo nâng cao chất lượng giáo dục, giảng dạy các môn Lí luận chính trị trong các học viện, trường công an nhân dân và quân đội nhân dân*.

[5] Nguyễn Thị Minh Phương - Phạm Thị Thúy (2011). *Cẩm nang phương pháp sư phạm*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu về động cơ...

(Tiếp theo trang 205)

khái niệm về các chiến lược học tiếng Anh cho sinh viên và giúp họ trở nên quen thuộc với các chiến lược này là điều cần thiết đối với giảng viên. Quan trọng hơn, giảng viên phải tạo ra cho sinh viên nhiều cơ hội để thực hành sử dụng các chiến lược học mới và áp dụng các chiến lược học này trong quá trình học tiếng Anh. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Brown, H.D. (1994). *Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy*. Englewood Cliff, NJ: Prentice Hall.
- [2] Judith W. Segal - Susan F. Chipman - Robert Glaser (Eds.) (1985). *Thinking and learning skills: Relating learning to basic research*. Hillsdale, NJ: Erlbaum, 1, 209-240.
- [3] Deci, E. L., - Ryan, R. M. (1985). *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. New York: Plenum Press.
- [4] Djigunovie, J.M. (2001). *Are language learning strategies motivation-specific?*. *Orbis Linguarum*, 18, 125-138.
- [5] Gardner, R. C. (1985). *Social psychology and second language learning*. London: Edward Arnold Ltd.
- [6] Harmer, J. (1994). *The practice of English language teaching*. New York: Longman.
- [7] MacIntyre, P. D. - Noels, K.A. (1996). *Using social-psychological variables to predict the use of language learning strategies*. *Foreign Language Annals*, 29 (3), 373-386.
- [8] O'Malley, J. M. - Chamot A.U. - Stewner-Manzanares G. - Kupper L. - Russo R.P. (1985). *Learning strategies used by beginning and intermediate ESL students*. *Language Learning*, 35(1), 21-46.
- [9] Oxford, R. L. - Nyikos, M. (1989). *Variables affecting choice of language learning strategies by university students*. *Modern Language Journal*, 73 (3), 291-300.
- [10] Wenden, A. - Rubin J. (1987). *Learner strategies in language learning*. New Jersey: Prentice Hall.